

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định phạm vi, tuyến đường, thời gian hoạt động và quản lý hoạt động thí điểm xe chở người bốn bánh có gắn động cơ điện hoặc xăng hoạt động trong phạm vi hạn chế trên địa bàn thành phố Lào Cai và thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Văn bản số 518/TTg-CN ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm hoạt động xe bốn bánh chạy bằng năng lượng điện phục vụ chở khách tham quan, du lịch trong khu vực hạn chế;

Căn cứ Văn bản số 4663/VPCP-CN ngày 31/5/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc thí điểm xe bốn bánh có gắn động cơ để chở khách tham quan, du lịch;

Căn cứ Thông tư số 86/2014/TTBGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế;

Căn cứ Thông tư số 42/2017/TTBGTVT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch;

Căn cứ Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Lào Cai quy định một số nội dung về đăng ký giá, kê khai giá, trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tại Tờ trình số 81/TTr-SGTVT XD ngày 29/3/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Điều 1 Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định phạm vi, tuyến đường, thời gian hoạt động và quản lý hoạt động thí điểm xe chở người bốn bánh có gắn động cơ điện hoặc xăng hoạt động trong phạm vi hạn chế trên địa bàn thành phố Lào Cai và thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai như sau:

“Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi, tuyến đường, thời gian hoạt động và quản lý hoạt động thí điểm xe chở người bốn bánh có gắn động cơ điện hoặc xăng hoạt động trong phạm vi hạn chế trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa và các huyện (Bắc Hà, Bảo Yên, Văn Bàn), tỉnh Lào Cai.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định phạm vi, tuyến đường, thời gian hoạt động và quản lý hoạt động thí điểm xe chở người bốn bánh có gắn động cơ điện hoặc xăng hoạt động trong phạm vi hạn chế trên địa bàn thành phố Lào Cai và thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

1. Sửa đổi Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phạm vi, tuyến đường, thời gian hoạt động trong ngày và tổ chức, quản lý hoạt động thí điểm xe chở người bốn bánh có gắn động cơ sử dụng năng lượng điện hoặc xăng (sau đây gọi tắt là Xe) trong phạm vi hạn chế trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa và các huyện (Bắc Hà, Bảo Yên, Văn Bàn), tỉnh Lào Cai.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Bổ sung vào trước khoản 1 Điều 3, nội dung như sau:

“Điều 3. Phạm vi, tuyến đường hoạt động, điểm đón, trả khách và nơi đỗ xe

a) Bổ sung tại điểm a khoản 1 như sau: Bổ sung 05 tuyến đường được phép hoạt động của Xe tại địa bàn thị xã Sa Pa (theo Phụ lục số 01 bổ sung kèm theo).

Thay thế Phụ lục số 02 tại khoản 2 về tuyến đường được phép hoạt động của Xe trên địa bàn thành phố Lào Cai (theo Phụ lục số 02 thay thế kèm theo).

b) Bổ sung khoản 5, khoản 6 như sau:

“5. Tại địa bàn huyện Bắc Hà

Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng Xe tổ chức cho các phương tiện hoạt động trên các tuyến đường theo Phụ lục số 03 của Quy định này.

6. Tại địa bàn huyện Bảo Yên, huyện Văn Bàn

Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng Xe tổ chức cho các phương tiện hoạt động trên các tuyến đường theo Phụ lục số 04 của Quy định này.”

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Tại địa bàn thị xã Sa Pa và các huyện (Bắc Hà, Bảo Yên, Văn Bàn), các Xe hoạt động với thời gian từ 06h00’ đến 24h00’ hàng ngày. Trường hợp điều kiện thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, tầm nhìn hạn chế,...), phương tiện phải dừng hoạt động đến khi đảm bảo các điều kiện về an toàn giao thông mới hoạt động trở lại.”

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 như sau:

“6. Niêm yết tại phần đầu, mặt bên ngoài xe biểu trưng Logo của đơn vị, tên đơn vị và số điện thoại liên hệ; niêm yết trên kính chắn gió, phía trên bên phụ của phương tiện (không làm ảnh hưởng tầm nhìn lái xe) mã QR, số thứ tự của Xe do Sở Giao thông vận tải – Xây dựng hướng dẫn, cấp và quản lý.

7. Đảm bảo các điều kiện khác theo quy định Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế; Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.”

b) Bổ sung khoản 8, khoản 9 như sau:

“8. Thay thế phương tiện: Việc thay thế phương tiện trên nguyên tắc không phát sinh thêm số lượng xe theo đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Các đơn vị chỉ được thay thế phương tiện trong các trường hợp sau đây:

a) Xe không thể đạt điều kiện để đơn vị đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Xe được chuyển nhượng, cho, tặng, thanh lý cho các tổ chức, cá nhân khác ngoài địa bàn tỉnh Lào Cai.

9. Trước khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký Xe, đơn vị vận tải có văn bản gửi Sở Giao thông vận tải – Xây dựng đề nghị số lượng Xe và các thông số kỹ thuật phương tiện đề nghị đăng ký. Trên cơ sở đề nghị của đơn vị vận tải và số lượng phương tiện đã được phê duyệt theo lộ trình giai đoạn của đề án, Sở

Giao thông vận tải – Xây dựng có văn bản gửi cơ quan Công an thống nhất số lượng phương tiện đăng ký và quản lý sau này.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 7 của Điều 8 như sau:

“1. Tổ chức cho các phương tiện hoạt động theo phương án kinh doanh vận tải của đơn vị và hoạt động trong phạm vi các tuyến đường, hành trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đỗ xe tại các vị trí do nhà nước bố trí hoặc bãi đỗ xe của đơn vị; cam kết thực hiện và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra các vi phạm, không thực hiện đúng với Đề án đã được phê duyệt (về chấp hành kinh doanh vận tải; phạm vi, tuyến đường hoạt động của Xe; số lượng Xe theo giai đoạn; đảm bảo trật tự an toàn giao thông).

2. Xây dựng nội quy làm việc, quy trình đảm bảo an toàn giao thông gửi về Sở Giao thông vận tải – Xây dựng để theo dõi, quản lý; cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập vào phần mềm theo dõi, quản lý dữ liệu từ Thiết bị giám sát hành trình, camera giám sát của các xe thuộc đơn vị cho Sở Giao thông vận tải - Xây dựng. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải, dữ liệu giám sát hành trình, camera giám sát để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, với thời gian lưu trữ tối thiểu 03 năm.

4. Thực hiện kê khai giá theo quy định của Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012 và Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Lào Cai.

7. Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng và trước ngày 25 tháng 12 hàng năm, tổng hợp báo cáo gửi Sở Giao thông vận tải – Xây dựng về công tác quản lý và kết quả hoạt động kinh doanh vận tải hàng tháng, năm, bao gồm: Danh sách phương tiện, người lái của đơn vị; số chuyến thực hiện; số lượng hành khách vận chuyển; chấp hành trật tự, an toàn giao thông; kiến nghị, đề xuất của đơn vị. Ngoài ra, thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành liên quan.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Căn cứ tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của các địa bàn thí điểm Xe trong tỉnh, nhu cầu đi lại của khách tham quan, du lịch và điều kiện về cơ sở hạ tầng giao thông, thực hiện phát triển số lượng Xe trên địa bàn tỉnh như sau:

- Đến hết năm 2025: Phát triển lũy kế tổng số tối đa 364 phương tiện, trong đó, tại các địa bàn hoạt động: Thị xã Sa Pa (144 phương tiện); thành phố Lào Cai (170 phương tiện); huyện Bắc Hà (30 phương tiện); huyện Bảo Yên và huyện Văn Bàn (20 phương tiện).”

7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi điểm b khoản 4 như sau:

“4. Công an tỉnh

b) Tổ chức cấp, quản lý và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, biển số xe theo số lượng phương tiện và lộ trình giai đoạn đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 như sau:

“5. Sở Du lịch

a) Thông tin đến các đơn vị lữ hành về phương tiện vận chuyển hành khách bằng Xe, đồng thời khuyến cáo du khách không đi bằng Xe trên các tuyến đường ngoài phạm vi, địa bàn cho phép hoạt động;

b) Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ về kỹ năng phục vụ khách du lịch, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ của các đơn vị kinh doanh thí điểm Xe.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa và các huyện (Bắc Hà, Bảo Yên, Văn Bàn)

a) Chủ trì tổ chức xác định điểm dừng, đỗ, đón, trả khách, phạm vi các tuyến đường hoạt động và điểm đỗ của Xe trong phạm vi địa bàn thí điểm địa phương quản lý;

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải – Xây dựng, Công an tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả quy định này;

c) Thực hiện kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm đối với các trường hợp Xe hoạt động không đúng tuyến đường, phạm vi đã được phê duyệt;

d) Tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, giám sát và đôn đốc các đơn vị vận tải bằng Xe trên địa bàn quản lý thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự, các nghĩa vụ tài chính;

đ) Phối hợp với Sở Du lịch tổ chức các lớp tập huấn cho lái xe, nhân viên phục vụ Xe về kỹ năng phục vụ khách du lịch, kỹ năng giao tiếp, ứng xử khi vận chuyển khách tham quan, du lịch.”

c) Bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng Xe hoạt động tự phát, Xe không được cấp phép hoạt động trên địa bàn địa phương quản lý, Xe không tham gia giao thông (xe nội bộ) hoạt động trên tuyến đường giao thông công cộng.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Sở Giao thông vận tải – Xây dựng chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Du lịch, UBND thành phố Lào Cai,

UBND thị xã Sa Pa, UBND các huyện (Bắc Hà, Bảo Yên, Văn Bàn) và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.”

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 4 QĐ;
- Khu QL đường bộ I - Cục ĐBVN;
- Các sở, ngành: Công an tỉnh, Giao thông vận tải - Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Du lịch, Tư pháp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT - TH tỉnh, Báo Lào Cai;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, XD2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hải

PHỤ LỤC SỐ 01 (BỔ SUNG)

Bổ sung các tuyến đường thí điểm xe chở người 4 bánh có gắn động cơ sử dụng năng lượng điện hoặc xăng được phép hoạt động trong phạm vi hạn chế trên địa bàn thị xã Sa Pa

(Kèm theo Quyết định số 1478 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Lào Cai)



TT	Tên đường	Chiều rộng mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Cấp đường	Độ dốc (vị trí cao nhất)	Điểm dừng đón, trả khách	Ghi chú
1	Quốc lộ 4D - Đường Điện Biên Phủ	9	5	Ngã 3 giao cắt QL4D và đường vào Ga cáp treo Sa Pa (Km100+600 QL4D)	Ngã 3 giao cắt QL4D và Đường N1 (Km105+600 QL4D)	IV	13%	Ngã 3 giao cắt QL4D và đường vào Ga cáp treo Sa Pa Ngã 3 giao cắt QL4D và Đường N1	độ dốc 13% là dốc cục bộ tại vị trí cao nhất
2	Đường N1	9-18	0,38	Ngã 3 giao cắt QL4D (Km105+125) và Đường N1	Ngã 3 giao cắt QL4D (Km105+600) và Đường N1	nội thị	3%		
3	Đường N2	7	0,37	Ngã 3 giao cắt QL4D (Km105+60) và Đường N2	Ngã 3 giao cắt Đường N1 với đường N2	nội thị	3%		
4	Đường N4	7	0,15	Ngã 3 giao cắt Đường N4 với đường N2	Ngã 3 giao cắt QL4D (Km105+400) và Đường N4	nội thị	3%		
5	Đường từ TL 152 đi Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Cầu Mây Sa Pa	7	1,2	Từ ngã ba giao giữa TL152 và đường đi Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Cầu Mây Sa Pa	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Cầu Mây Sa Pa				



PHỤ LỤC SỐ 02 (THAY THẾ)
Các tuyến đường thi điểm xe chở người 4 bánh có gắn động cơ sử dụng năng lượng điện hoặc xăng được phép hoạt động trong phạm vi hạn chế trên địa bàn thành phố Lào Cai
kính theo Quyết định số: 1473/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Lào Cai

STT	Tên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
1	Đường Phan Bội Châu	7,5	0,74	Nguyễn Thái Học	Quốc Lộ 70	
2	Đường Nguyễn Công Hoan	6	0,28	Nguyễn Huệ	Hết đường	
3	Đường Lê Lợi	6	0,25	Nậm Thi	Nguyễn Thái Học	
4	Đường Triệu Tiên Tiên	6	0,16	T2	T4	
5	Đường Na Mo	6	0,15	T2	T4	
6	Đường T1	6	0,15	Quốc Lộ 70	Tô Hiệu	
7	Đường T4	6	0,15	Quốc Lộ 70	Tô Hiệu	
8	Đường Nguyễn Thiếp	6	0,1	Phan Bội Châu	Lê Lợi	
9	Đường Bùi Thị Xuân	6	0,10	Phan Bội Châu	Lê Lợi	
10	Đường Ngô Thị Nhậm	6	0,10	Phan Bội Châu	Lê Lợi	
11	Đường Trần Nguyễn Hân	6	0,06	Nguyễn Huệ	Ng. Công Hoan	
12	Đường Văn Cao 1	6	0,03	Nguyễn Huệ	Ng. Công Hoan	
13	Đường Văn Cao 2	6	0,03	Nguyễn Huệ	Ng. Công Hoan	
14	Đường Hoàng Diệu	7,5	1,60	Quốc Lộ 70	Hết địa bàn phường	
15	Đường Nguyễn Huệ	9	0,65	Ngã 6	Cầu Hồ Kiêu 1	
16	Đường Nguyễn Thái Học	7,5	0,35	Phan Bội Châu	QL70	
17	Đường Minh Khai	7,5	1,35	Nguyễn Huệ	Hợp Thành	
18	Đường Nguyễn Tri Phương	6	1,12	Nguyễn Huệ	Khánh Yên	
19	Đường Khánh Yên	6	1,00	Nguyễn Huệ	Khu TTCN tập trung của thành phố	
20	Đường Triệu Quang Phục	7,5	1,12	Nguyễn Huệ	Phạm Văn Khả	
21	Đường Ngô Văn Sở	6	0,88	Khánh Yên	Khánh Yên (tổ34)	
22	Đường Tôn Thất Thuyết	6	0,83	Nguyễn Huệ	Hồ Tùng Mậu	

STT	Tên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
50	Đường ngang dưới chân Cầu	6	0,10	Đình Bộ Lĩnh	Phạm Văn Xảo	
51	Đường ngõ Nguyễn Chí Phương	4	0,10	Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Huệ	
52	Đường ngõ vào Đường Sắt Cũ	5	0,04	Khánh Yên	Hết đường	
53	Đường T1 (Khu Tđc Lê Khôi)	6	0,12	Lê Khôi	Nguyễn Tri Phương	
54	Đường Tuyến T2 (Khu Tđc Lê Khôi)	6	0,08	T1	Nguyễn Tri Phương	
55	Tuyến M9 (Khu Tđc Lê Khôi)	6	0,05	T1	T2	
56	Tuyến M9 (Đầu Cầu Phố Mới)	6	0,41			
57	Tuyến M21 (Đầu Cầu Phố Mới)	6	0,18			
58	Tuyến M18 (Đầu Cầu Phố Mới)	6	0,07			
59	Tuyến T3 (Đầu Cầu Phố Mới)	6	0,12			
60	Tuyến T4 (Đầu Cầu Phố Mới)	6	0,12			
61	Ngõ Nhà Cai Nghiện	6	0,09			
62	D1 (Tđc Đèn Cẩm)	6	0,7			
63	D2 (Tđc Đèn Cẩm)	6	0,3			
64	Đường Thanh Niên	9	0,6	Hoàng Liên	Thủy Hoa	
65	Đường Duyên Hải	6	1,725	Thủy Hoa	Thủ Dầu Một	
66	Đường Trần Đại Nghĩa	6	1,575	Nguyễn Khuyến	Điện Biên	

STT	Tên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
67	Đường Nguyễn Đức Cảnh	7,5	0,82	Thanh Niên	Đảng Châu	
68	Đường Lương Khánh Thiện	9	0,72	Nguyễn Đức Cảnh	Nhạc Sơn	
69	Đường Duyên Hà	6	0,68	Hoàng Liên	Thanh Niên	
70	Đường Thủy Hoa	6	0,68	Hoàng Liên	Thanh Niên	
71	Đường Đảng Châu	6	0,68	Thủy Hoa	Lê Hồng Phong	
72	Đường Hưng Hóa	6	0,525	Duyên Hà	Hoàng Liên	
73	Đường Trần Đăng	6	0,4	Nhạc Sơn	Đài PTTT tỉnh	
74	Đường Lê Hồng Phong	6	0,375	Lương Khánh Thiện	Nhạc Sơn	
75	Đường Ba Chùa	6	0,375	Duyên Hà	Ngô Gia Tự	
76	Đường Ngô Gia Tự	6	0,375	Duyên Hà	Lê Hồng Phong	
77	Đường Sơn Đen	6	0,29	Thủy Hoa	Duyên Hà	
78	Đường Nguyễn Khuyến	6	0,32	Điện Biên	Nhạc Sơn	
79	Đường Lê Văn Hưu	6	0,255	Lương Khánh Thiện	Nhạc Sơn	
80	Đường Nguyễn Biểu	6	0,185	Ba Chùa	Nguyễn Đức Cảnh	
81	Đường Phùng Khắc Khoan	6	0,14	Nguyễn Siêu	Nguyễn Biểu	
82	Đường Nguyễn Siêu	6	0,13	Nguyễn Đức Cảnh	Duyên Hà	
83	Đường Trần Tế Xương	6	0,12	Điện Biên	Ngô Tất Tố	
84	Đường Ngô Tất Tố	6	0,105	Nhạc Sơn	Đoàn NTDT tỉnh	
85	Đường Lê Chân	6	0,65	Thanh Niên	Hưng Hoá	
86	Đường Nhạc Sơn	7,5	2,799	Hoàng Liên	Hết đường	
87	Đường T1 (Hồ Số 6)	6	0,548	Điện Biên	Nhạc Sơn	
88	T2 (Nguyễn Khang)	6	0,22			
89	T3 (Trần Duy Hưng)	6	0,25			
90	T5 (Nguyễn Huy Tường)	6	0,12			
91	D2 (Nguyễn Văn Huyền)	6	0,5			
92	D3 (Ngô Đức Kề)	6	0,25			
93	N1 (Phan Kế Toại)	6	0,7			

STT	Tên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chi chú
94	N2 (Phan Đăng Tuệ)	6	0,6			
95	N3 (Trần Văn Thô)	6	0,6			
96	N4 (Hồ Sơ 6)	6	0,6			
97	Hồng Hà	6	1,10	Đầu cầu Cốc Lếu	Soi Tiên	
98	Hoàng Văn Thụ	6	0,93	Nhạc Sơn	Trần Đăng Ninh	
99	Cốc Lếu	7,5	0,80	Ngã năm	Hoàng Liên	
100	Sơn Đạo	6	0,70	Hoàng Liên	Phan Chu Trinh	
101	Trần Đăng Ninh	6	0,62	Hoàng Liên	Nhạc Sơn	
102	Phan Chu Trinh	6	0,60	Hoàng Liên	Nhạc Sơn	
103	Đường 5B	6	0,53	Trần Đăng Ninh	Lê Quý Đôn	
104	Lê Quý Đôn	7,5	0,53	Hoàng Liên	Nhạc Sơn	
105	Đặng Văn Ngữ	6	0,80	Sơn Tùng	Hoàng Hoa Thám	
106	Hoàng Hoa Thám	6	0,38	Hoàng Liên	Phan Chu Trinh	
107	Đặng Trần Côn	6	0,35	Phan Chu Trinh	Sơn Đạo	
108	Nguyễn Bình Khiêm	6	0,35	Nhạc Sơn	Lê Quý Đôn	
109	Đoàn Thị Điểm	6	0,31	Nhạc Sơn	Đường 5B	
110	Sơn Tùng	7,5	0,28	Đặng Văn Ngữ	Hồng Hà	
111	Lương Văn Can	6	0,27	Sơn Đạo	Hoàng Văn Thụ	
112	Kim Đồng	6	0,19	Nguyễn Trung Trực	Hồng Hà	
113	Nghĩa Đô	6	0,12	Hoàng Liên	Hoàng Văn Thụ	
114	Hoà An	6	0,11	Cốc Lếu	Hồng Hà	
115	Tân Thuật	6	0,10	Nghĩa Đô	Hoàng Hoa Thám	
116	Lê Văn Tám	6	0,09	Cốc Lếu	Hồng Hà	
117	Trần Quốc Toản	6	0,09	Cốc Lếu	Hồng Hà	
118	Cao Bá Quát	6	0,09	Cốc Lếu	Hồng Hà	
119	Tân Đà	6	0,09	Cốc Lếu	Hồng Hà	
120	Nguyễn Công Trứ	6	0,09	Cốc Lếu	Hồng Hà	

STT	Tên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
121	Phan Huy Trứ	6	0,09	Cốc Lếu	Hồng Hà	
122	Kim Chung	6	0,08	Cốc Lếu	Hồng Hà	
123	Lý Tự Trọng	6	0,08	Cốc Lếu	Hồng Hà	
124	Võ Thị Sáu	6	0,08	Cốc Lếu	Hồng Hà	
125	Hoàng Liên	17	3,38	Ngã tư giao cắt QL.4D (Km137+00) với đường Hàm Nghi và cầu Kim Tân, thành phố Lào Cai	Đầu cầu Cốc Lếu, thành phố Lào Cai	
126	Ngô Hoàng Văn Thụ	3	0,07	Hoàng Văn Thụ	Điểm VH Sơn Tùng	
127	Ngô An Sinh	3	0,08	Hoàng Liên	Cốc Lếu	
128	Ngô 37 (Cổng F200)	3	0,05	Hoàng Liên	Hết đường	
129	Ngô Lê Quý Đôn	4	0,15	Lê Quý Đôn	Hết đường	
130	Ngô Trần Đăng Ninh	3	0,20	Trần Đăng Ninh	Hết đường	
131	Ngô Đăng Trần Côn	3	0,08	Đăng Trần Côn	Hết đường	
132	Ngô Sơn Đạo	3	0,05	Sơn Đạo	Hết đường	
133	Nguyễn Trung Trực	6	0,15	Sơn Tùng	Cốc Lếu	
134	Đinh Lễ	29	3,85	Hoàng Liên	An Dương Vương	
135	An Dương Vương	10,5	2,40	Cầu Cốc Lếu	hết đường	
136	Soi Tiên	10,5	0,2	Sơn Đạo	Đinh Lễ	
137	Đường Ngô Quyền	7,5	2,29	Hoàng Liên	hết đường	
138	Đường Hàm Nghi	6	0,95	Ngô Quyền	Ngã 6	
139	Đường Lý Công Uẩn	7,5	1,05	Ngã 6	Trạm biến áp đi sapa	
140	Đường Mường Than	6	0,94	Cây Xăng Kim Tân	Trường Nội Trú	
141	Đường Lê Đại Hành	6	0,79	Quy Hoá	Yết Kiêu	
142	Đường Tôn Thất Tùng	6	0,7	Hàm Nghi	Thanh Phú	
143	Đường Quy Hóa	10,5	0,64	Hoàng Liên	Ngô Quyền	

STT	Tên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
144	Đường Lê Lai	6	0,586	Hoàng Liên	Ngô Quyền	
145	Đường Văn Kì	6	0,56	Ngô Quyền	Ngã 6	
146	Đường Tuệ Tĩnh	6	0,54	Mường Than	Hàm Nghi	
147	Đường Quang Minh	6	0,5	Trung Đô	Nhạc Sơn	
148	Đường Trung Đô	7,5	0,46	Nhạc Sơn	Hoàng Liên	
149	Đường Lý Đạo Thành	6	0,38	Hoàng Liên	Quy Hoá	
150	Đường Nguyễn Du	6	0,35	Hoàng Liên	Ngô Quyền	
151	Đường Xuân Diệu	6	0,37	Hoàng Liên	Hàm Nghi	
152	Đường Kim Hoa	7,5	0,33	Trung Đô	An Phú	
153	Đường Trần Bình Trọng	6	0,31	Xuân Diệu	Hàm Nghi	
154	Đường Vạn Hoa	6	0,3	Ngô Quyền	Lý Công Uẩn	
155	Đường Nguyễn Đình Chiểu	6	0,3	Mường Than	Bà Triệu	
156	Đường Bà Triệu	6	0,23	Ngã 6	Tuệ Tĩnh	
157	Đường Vạn Phúc (Bờ Sông)	6	0,23	Điểm Văn Hoá	Hết đường	
158	Đường Chu Văn An	6	0,23	Nguyễn Du	Lý Đạo Thành	
159	Đường An Phú	6	0,21	Quang Minh	Nhạc Sơn	
160	Đường Kim Thành	6	0,2	Tuệ Tĩnh	Hoàng Liên	
161	Đường Đào Duy Từ	6	0,2	Hàm Nghi	Tôn Thất Tùng	
162	Đường Lê Hữu Trác	6	0,19	Hàm Nghi	Tôn Thất Tùng	
163	Đường Trần Nhật Duật	7,5	0,18	Hoàng Liên	Bà Triệu	
164	Đường Thanh Phú	6	0,17	Hàm Nghi	Tôn Thất Tùng	
165	Đường Phố Kim Hà	6	0,165	Hàm Nghi	Tôn Thất Tùng	
166	Đường Đoạn Nối Vạn Phúc- Ngô Quyền- Lê Đại Hành	6	0,162	Vạn Phúc	Lê Đại Hành	
167	Đường An Nhân	6	0,15	Hoàng Liên	Quang Minh	
168	Đường An Bình	6	0,15	Hoàng Liên	Quang Minh	
169	Đường Cao Sơn	6	0,15	Kim Thành	Hết đường	



STT	Tên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
170	 Đường Đoàn Nối Vạn Hoa - Lê Lai	6	0,13	Vạn Hoa	Lê Lai	
171	Đường Tân An	6	0,12	Ngô Quyền	Lý Công Uẩn	
172	Đường Phú Bình	6	0,11	Lý Đạo Thành	Lê Lai	
173	Đường Ngõ Cổng 200	5	0,26	Hoàng Liên	Ngô Quyền	
174	Đường Ngõ Mường Than	4	0,18	Mường Than	Bà Triệu	
175	Đường Ngõ Xí Nghiệp In	4	0,11	Mường Than	Hết đường	
176	Đường Ngõ Chợ Ngộc Mít	3	0,1	Lý Công Uẩn	Đường Bao chợ	
177	Đường Ngõ Chợ Gốc Mít 2	3	0,1	Lý Công Uẩn	Đường Bao chợ	
178	Đường Phạm Ngọc Thạch	6	0,4	Hàm Nghi	Tôn Thất Tùng	
179	Đường Bế Văn Đàn	6	0,14	Đào Duy Tùng	Phạm Ngọc Thạch	
180	Đường B4A (Khu Giáp Bệnh Viện Đa Khoa Số 1)	9	0,097	Tôn Thất Tùng	Bế Văn Đàn	
181	Ngã 6 (Vòng Trong + Vòng Ngoài)	10,5	0,7			
182	Đường Khu Hồ Số 1 Kim Tân	6	0,85	Nhạc Sơn	An Phú	
183	Đường Nhánh Nối Lê Đại Hành - Ngõ Quyền	6	0,32	Lê Đại Hành	Ngô Quyền	
184	Đường D2 (Soi Tiên)	7,5	0,5	Đình Lễ	An Dương Vương	
185	Đường Quy Hoạch Hồ Số 1 (An Phú)	6	0,4	Nhạc Sơn	Hoàng Liên	
186	M3 (Vạn Phúc)	6	0,395			
187	M2 (Đoàn Khuê)	6	0,105			
188	M4 (Tráng A Pao)	17	0,113			
189	M1	6	0,91			
190	Cao Lỗ	6	0,30	Soi Tiên	Lý Ông Trọng	
191	Mai Hắc Đế	15	0,08	Soi Tiên	An Dương Vương	

STT	Tên tuyến/phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
192	Lý Ông Trọng	6	0,08	Soi Tiên	An Dương Vương	
193	Lê Thanh	10,5	3,70	Cầu Kim Tân	Cây xăng Nam Cường	
194	Đường Phố Phú Thịnh	15	1,33	Lê Thanh	Đường vào trại giam	
195	Đường Phố Vĩ Kim	10,5	0,47	ĐL Trần Hưng Đạo	Lê Thanh	
196	Đường Phố Châu Ủy	10,5	0,70	ĐL Trần Hưng Đạo	Lê Thanh	
197	Đường D4	7,5	1,70			
198	Đường D4A	7,5	1,00			
199	Đường Hoàng Trường Minh	7,5	0,70	Ngô Minh Loan	Nguyễn Thị Định	
200	Đường Ngô Minh Loan	7,5	0,54	Lê Thanh	ĐL Trần Hưng Đạo	
201	Đường Phố Kim Sơn	7,5	0,68	Ngô Minh Loan	Nguyễn Thị Định	
202	Đường Phố Mường Hoa	7,5	0,85	Ngô Minh Loan	Kim Sơn	
203	Đường Nguyễn Thị Định	7,5	1,00	Ngô Minh Loan	Phú Thịnh	
204	Đường Tân Lập	6	0,19	ĐL Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thăng Bình	
205	Đường Lê Văn Thiêm	6	0,55	Lê Thanh	ĐL Trần Hưng Đạo	
206	Đường N2A	6	0,17	Nguyễn Thị Định	Hết đường	
207	Đường Cù Chính Lan	6	0,69	Ngô Minh Loan	Lê Văn Thiêm	
208	Đường Phố Lạc Sơn	6	0,69	Ngô Minh Loan	Lê Văn Thiêm	
209	Đường An Lạc	6	0,50	ĐL Trần Hưng Đạo	Hết đường	
210	Đường Hoàng Quy	6	1,16	Quách Văn Dạng	Hết đường	
211	Đường Nguyễn Thăng Bình	6	0,40	Đặng Thanh Mai	Hết đường	
212	Đường Võ Nguyên Giáp (Từ Thố Đến B1)	12	8,89	ĐL Trần Hưng Đạo	Hết đường	
213	Đường Quách Văn Rạng	6	0,19	Bùi Đức Minh	ĐL Trần Hưng Đạo	
214	Đường Phùng Đức Minh	6	0,30	ĐL Trần Hưng Đạo	Hoàng Quy	
215	Đường Võ Đại Huệ	6	0,30	Tân Lập	An Lạc	
216	Đường M9	6	1,20	Trần Hưng Đạo	Châu Ủy	
217	Đường D6	6	0,30	M9	Châu Ủy	

STT	Tên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
218	Đường N5	6	0,70			
219	Đường M4	6	0,70			
220	Đường E13	6	0,60			
221	Đường E14	10,5	0,55			
222	Đường E15	6	0,29			
223	Đường E16	6	0,58			
224	Đường E17	6	0,60			
225	Đường E18	7,5	0,38			
226	Đường M15	6	0,16			
227	Đường M16	6	0,19			
228	Đường D3	10,5	3,86			
229	Đường M14	6	0,16			
230	Đường M13	6	0,25			
231	Đường M12	6	0,24			
232	Đường M12A	6	0,16			
233	Đường M17	6	0,19			
234	Đường Cửa Cải Chính Cường	6	7,00			
235	Đường Di Thôn Tân Lập	6	0,55			
236	Đường Từ Tổ 27 Vào Tổ 31	6	1,20			
237	Đường Di Thôn Vĩ Kim	6	0,72			
238	Bích Đào	9	0,30			
239	Bích Đào 1	7,5	0,07			
240	Bích Đào 2	7,5	0,07			
241	Đỗ Quyên	9	0,30			
242	Ban Mai	9	0,15			
243	Hoàng Lan	9	0,30			

STT	Tên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
244	H2B	9	0,70			
245	F3 T2	7,5	0,50			
246	Đường B3 (Châu Ủy)	10,5	0,7	Trần Hưng Đạo	Trần Phú	
247	Đường D2	7,5	1,7			
248	Đường B4A	10,5	0,594	Trần Hưng Đạo	Trần Phú	
249	Đường B4	10,5	0,515	Trần Hưng Đạo	Trần Phú	
250	Đường B5	20	1,426	Trần Hưng Đạo	Trần Phú	
251	Đường B6	10,5	0,416	Trần Hưng Đạo	Trần Phú	
252	Đường B7	22	1,87	B5	B6	
253	Đường E9	6	1,2			
254	Đường E10	6	0,53			
255	Đường E11	6	0,5			
256	Đường M1	6	0,4			
257	Đường M2	6	0,35			
258	Đường M3	6	0,6			
259	Đường M4	6	0,7			
260	Đường T1	6	0,75			
261	Đường T2	6	0,8			
262	Đường M7	7,5	0,8			
263	Đường D10	6	1,3			
264	Đường N2	6	0,35			
265	Nguyễn Trường Tộ (Khu Dân Cư B5-B6)	6	0,4			
266	M8 (Chu Phúc Ủy)	6	0.1			
267	B4 Kéo Dài (Nguyễn Hữu Thọ)	6	0,3			
268	D7A (Bùi Đăng Đoàn)	6	0,35			

STT	Tên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
269	Đường Trần Đình Khôi 8 (Cao Xuân Huy)	6	0,2			
270	N1 (Nguyễn Thiện Kế)	6	0,15			
271	M9 (Mai Kỳ Sơn)	6	0,2			
272	Đường Phở 30/4	22	0,90	B6	B8	
273	Đường Tùng Tung	7,5	0,15			
274	Đường Phùng Chí Kiên	7,5	0,90	B6	ĐL Trần Hưng Đạo	
275	Đường Lê Thiết Hùng	6	0,78	Nguyễn Thế Lộc	Phùng Chí Kiên	
276	Đường Nguyễn Thế Lộc	6	0,10	Nguyễn Danh Phương	Đường 30/4	
277	Đường Lê Văn Thịnh	6	0,06	Nguyễn Danh Phương	Phùng Chí Kiên	
278	Đường Lý Thường Kiệt	6	0,25	Lý Nhân Tông	Đường 30/4	
279	Đường Lý Nhân	6	0,16	Lý Thường Kiệt	Phùng Chí Kiên	
280	Đường Phan Huy Ích	6	0,15	Nguyễn Thế Lộc	Lê Văn Thịnh	
281	Đường Nguyễn Danh Phương	6	0,21	B6	Lê Văn Thịnh	
282	Đường Đỗ Nhuận	6	0,65	Nguyễn Thế Lộc	Lý thường Kiệt	
283	Đường Lưu Hữu Phước	6	0,65	Nguyễn Thế Lộc	Lý thường Kiệt	
284	Đường Hoàng Quốc Việt	10,5	1,40	Cầu chui	Trường tiểu học Bắc Lệnh	
285	Đường Trường Chkt, Cấp 1,2 B Lệnh, C2 Lt Tròng	6	0,30			
286	Đường B1 14	6	0,61	Hoàng Quốc Việt	BL18	
287	Đường B1 15	6	0,48	BL18	BL14	
288	Đường B1 16	6	0,09	Hoàng Quốc Việt	BL14	
289	Đường B1 17	6	0,15	BL15	BL18	
290	Đường B1 18	6	0,19	Hoàng Quốc Việt	BL17	
291	Đường B1 M1	6	0,18	BL18	BL17	
292	Đường B1 M2	6	0,18	BL16	BL14	

STT	Tên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
293	Hoàng Sào	7,5	1,25	Hoàng Quốc Việt	Trần Hưng Đạo	
294	Bến Đá - Nhà Máy Xim	6	1,20	Ngã 3 Bến Đá	Nhà máy xi măng	
295	Đường Chợ Tổng Hợp Lên Khu Đỏ Rác	4	1,20			
296	Bến Đá - Cầu Làng Nhón	10,5	1,00	Ngã 3 Bến Đá	cầu Làng Nhón	
297	Phố Hà Đặc	6	0,70	Hoàng Quốc Việt	Hết đường	
298	T.Thể Khu D (3 Nhánh)	5	0,60			
299	Tập Thể Khu C Pom Hân	3	0,60			
300	Na Ít	6	0,55			
301	Khu H Tt Mỏ Tổ 30Ph	6	0,40			
302	Tt Nhà Ân A1+A2	6	0,40			
303	Cầu Gò	4	0,40	Hoàng Quốc Việt	Hết đường	
304	Đường Giàn Than	3,5	0,40	Hoàng Quốc Việt	Hoàng Sào	
305	Hoàng Đức Chữ	6	0,35	Hoàng Quốc Việt	Hà Đặc	
306	Hoàng Sào 2	7,5	0,30			
307	Đường Kho Muối	6	0,30			
308	4 Nhánh Nối	6	0,30			
309	Ngõ Tổ 5A+5B P.Hân	6	0,30			
310	Khu Thí Nghiệm	6	0,30			
311	Tập Thể Cn Mỏ P,Hân	6	0,23			
312	Tô Vũ	6	0,20			
313	Đường Tổ 6P.Hân	6	0,10			
314	Tt Tổ 34Ph	6	0,06			
315	Đường Tổ 40	7,5	0,50			
316	T1 (Vũ Uy)	6	0,1			
317	T2 (Nguyễn Huy Tự)	6	0,27			
318	T3 (Nguyễn Huy Tự)	6	0,1			

STT	Lên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
319	T4 (Trần Quý Cáp)	7,5	0,1			
320	T5 (Khai Trần Xuân Soạn)	6	0,18			
321	T6 (Trịnh Hoài Đức)	6	0,13			
322	T7 (Tân Tiến)	7,5	0,08			
323	T8 (Đào Tấn)	6	0,15			
324	T9 (Đào Tấn)	6	0,44			
325	T11 (Võ Văn Tần)	6	0,1			
326	T12	6	0,1			
327	T13 (Trần Quang Diệu)	6	0,1			
328	Bm16	6	0,3			
329	Bm19	6	0,3			
330	N8	6	0,6			
331	Đường Nhánh 1	5	0,30			
332	E1	6	0,35			
333	E3	6	0,25			
334	Dải Lộ Trần Hưng Đạo	31	8,2	Ngã tư giao cắt QL.4E (Km36+00) với đường Bình Minh, đường Võ Nguyên Giáp và đường Trần Hưng Đạo kéo dài	Nút giao Ngã 6, thành phố Lào Cai	
335	Đường Bình Minh	17	0,50	Trần Hưng Đạo	QL4E	
336	Đường Chiềng On	10,5	1,60	Trần Hưng Đạo	Võ Nguyên Giáp	
337	Đường B14	6	0,50	B9	Hết đường	
338	Đường B15	6	0,50	B9	Hết đường	
339	Đường B13	6	0,25	B8	Hồ Dắc Di	
340	Đường B11	6	0,25	B8	Hồ Dắc Di	
341	Đường B11A	6	0,25			

STT	Tên tuyến phố	Mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
342	Đường 15	15	0,55	B9	Hết đường	
343	Đường Dm 2	6	0,80			
344	Đường Dm 3	6	0,60			
345	Đường Dm4	6	0,80			
346	Đường Dm 5	6	0,20			
347	Đường Dm 6	6	0,20			
348	Đường Dm 3 (Nhánh 2)	6	0,25			
349	B9	6	1,25	Chiềng On	DM1	
350	T10	6	0,14			
351	T9	6	0,13			
352	B11 (Giai Đoạn 2)	6	1,05			
353	Dm1	6	0,80			
354	Đường Lên Sân Vận Động Tỉnh	22	0,3			
355	B12	6	0,8			
356	B10	17	1			

Các tuyến đường thí điểm xe chở người 4 bánh có gắn động cơ sử dụng năng lượng điện hoặc xăng được phép hoạt động trong phạm vi hạn chế trên địa bàn huyện Bắc Hà

(Kèm theo Quyết định số: 1448/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Lào Cai)



TT	Tên đường	Chiều rộng mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Cấp đường	Độ dốc (vị trí cao nhất)	Điểm dừng đỗ	Ghi chú
1	Đường Ngọc Uyên	7,5	4,34	Ngã 3 cây xăng Km1	Trần Tả Hò	IV	10 % (đốc ngắn 30 m)	Ngã 3 công Dền	
								Ngã 5 kho bạc	
								Tiểu công viên Hoàng A Tường	
								Trại rau quả	
2	Đường Pác Kha	10,5	3,9	Ngã 3 cây xăng Km1	Trần Tả Hò	IV		Công chính hồ Na Cỏ	
3	Đường 20/9	7,5	1,3	Ngã 5	UBND huyện Bắc Hà	IV			
4	Đường Bệnh viện - Bàn Phố	6	1,78	Ngã 3 công phụ Bệnh viện huyện	UBND xã Bàn Phố	V		Khu dân cư trung tâm xã Bàn Phố	
5	Đường Na Cỏ	5,5	0,595	Đền Bắc Hà	Đường Pác Kha	V			
6	Đường Vật tư - Na Hối	5,5	2,5	Thế giới di động	Công chào UBND xã Bàn Phố	VI	10 % (đốc ngắn 25 m)		
7	Đường Thanh Niên	7	0,65	Ngã 3 Sao Mai	Trần đường 20/9	IV			
8	Đường Nậm Sắt	6,5	1,3	Ngã 3 trường mầm non cũ	Khách sạn Nhật Quang	IV			
9	Đường T1 - T2 - chợ Chim - Trần Nậm Cây	7	1,75	Cầu đá Hoàng A Tường	Trần Nậm Cây	IV			
10	Đường Dìn Thàng	7	0,7	Ngã 3 công chính Bệnh viện huyện	Nhà hàng 123	IV			
11	Đường Vũ Văn Uyên	6	0,46	Nhà hàng Suối Nguồn	Chi Cục Kiểm Lâm	IV			
12	Đường Núi Ba Mẹ Con	6	0,35	Tiểu công viên Hoàng A Tường	Trạm Y tế thị trấn	IV			

PHỤ LỤC SỐ 04

Các tuyến đường thí điểm xe chở người 4 bánh có gắn động cơ sử dụng năng lượng điện hoặc xăng được phép hoạt động trong phạm vi hạn chế trên địa bàn huyện Bảo Yên, huyện Văn Bàn.

Kiểm tra Quyết định số: 1448/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Tên đường	Chiều rộng mặt đường (m)	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Cấp đường	Độ dốc (vị trí cao nhất)	Điểm dừng đỗ	Ghi chú
I	Huyện Bảo Yên (xã Bảo Hà)								
1	Quốc lộ 279	10,5	0,95	Cầu Bảo Hà (Km88+450 QL.279)	Ngã tư rẽ đi Ga Bảo Hà (Km87+500 QL279)	IV			
2	Đường T1	7,5	0,25	Giao đường Quốc lộ 279	Giao đường T2				
3	Đường T2	10,5	0,34	Giao đường T3	Giao đường T10				
4	Đường T10	10,5	0,79	Giao đường T3	Giao đường T11 (Cách cầu Bảo Hà – Tân An 175m)			Cổng đèn mặt đường T10 (bờ kè)	
5	Đường Liên Hà 2	5	0,1	Đầu giao QL279	Ga Bảo Hà			Cổng Ga Bảo Hà	
II	Huyện Văn Bàn (xã Tân An)								
1	Quốc lộ 279	10,5	2,55	Đầu đường dẫn nút giao IC16 (Km91 QL279)	Cầu Bảo Hà (Km88+450 QL279)	IV		Đầu đường dẫn nút giao IC16	
								Bãi đỗ xe Đèn có Tân An	